

# **Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp  
Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

## **MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	7 - 31

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.833.048.589.326</b>	<b>2.651.425.357.486</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>139.941.608.992</b>	<b>52.085.626.815</b>
111	1. Tiền		139.941.608.992	52.085.626.815
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>32.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	32.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.861.220.355.068</b>	<b>1.687.036.083.286</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.168.717.016.209	1.014.950.294.895
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	683.149.849.851	659.337.205.577
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	20.826.329.922	20.492.787.196
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(11.472.840.914)	(7.744.204.382)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>817.067.625.022</b>	<b>869.838.190.902</b>
141	1. Hàng tồn kho		817.067.625.022	869.838.190.902
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.819.000.244</b>	<b>10.465.456.483</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.097.873.853	2.293.345.119
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	4.890.230.144
153	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		12.721.126.391	3.281.881.220
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>592.949.492.740</b>	<b>313.247.566.940</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>179.510.995.783</b>	<b>186.143.897.850</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	178.541.356.628	185.074.864.528
222	Nguyên giá		384.412.497.425	373.967.756.366
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(205.871.140.797)	(188.892.891.838)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	969.639.155	1.069.033.322
228	Nguyên giá		2.227.478.775	2.227.478.775
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.257.839.620)	(1.158.445.453)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>336.616.293.096</b>	<b>95.882.171.177</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	336.616.293.096	95.882.171.177
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>76.822.203.861</b>	<b>31.221.497.913</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	70.278.662.397	20.106.177.845
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		6.543.541.464	11.115.320.068
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.425.998.082.066</b>	<b>2.964.672.924.426</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.267.397.832.157</b>	<b>1.906.157.784.100</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.959.725.582.459</b>	<b>1.889.789.383.082</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	185.546.445.329	118.045.669.205
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.666.587.026	1.165.944.683
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	161.013.483	6.456.311.296
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.164.453.976	4.149.249.762
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.972.288.545	43.325.960.061
320	6. Vay ngắn hạn	17	1.744.976.244.818	1.702.850.798.793
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	13.238.549.282	13.795.449.282
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>307.672.249.698</b>	<b>16.368.401.018</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		2.110.359.518	2.115.159.518
338	1. Vay dài hạn	19	305.561.890.180	14.253.241.500
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.158.600.249.909</b>	<b>1.058.515.140.326</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>1.158.526.320.430</b>	<b>1.058.515.140.326</b>
411	1. Vốn cổ phần		418.127.810.000	418.127.810.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		418.127.810.000	418.127.810.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		203.825.180.000	203.825.180.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		139.644.123.910	139.644.123.910
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		397.003.135.999	296.918.026.416
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		338.730.807.416	187.290.096.068
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		58.272.328.583	109.627.930.348
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.425.998.082.066</b>	<b>2.964.672.924.426</b>

*Nguyễn Ngọc Thắm*

Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập biểu

*Nguyễn Công Bằng*

Nguyễn Công Bằng  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Quang Hiền*

Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2016

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

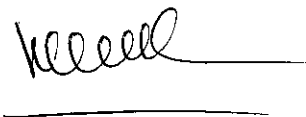
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015	Lũy kế từ ngày 01 tháng 10 đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	1.026.417.864.525	1.184.730.206.078	2.421.734.897.114	2.667.769.217.857
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(23.602.622.498)	(22.458.710.501)	(53.380.023.629)	(50.808.729.445)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	1.002.815.242.027	1.162.271.495.577	2.368.354.873.485	2.616.960.488.412
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(936.553.336.120)	(1.116.581.107.896)	(2.212.810.126.319)	(2.514.118.901.587)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		66.261.905.907	45.690.387.681	155.544.747.166	102.841.586.825
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	385.265.992	936.639.817	1.350.757.055	2.304.543.594
22	7. Chi phí tài chính	23	(27.506.866.083)	(4.440.263.298)	(53.025.502.659)	(11.682.463.282)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(27.272.098.381)	(3.999.481.330)	(52.758.686.612)	(10.850.843.055)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(8.130.444.787)	(5.902.804.648)	(16.682.416.959)	(14.100.648.341)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(12.009.376.224)	(5.880.117.853)	(20.353.734.654)	(14.464.462.116)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.000.484.805	30.403.841.699	66.833.849.949	64.898.556.680
31	11. Thu nhập khác	26	486.601.588	483.840.910	1.818.558.105	1.728.716.245
32	12. Chi phí khác	26	(38.332.351)	(39.630.001)	(98.038.329)	(53.379.296)
40	13. Lợi nhuận khác	26	448.269.237	444.210.909	1.720.519.776	1.675.336.949
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.448.754.042	30.848.052.608	68.554.369.725	66.573.893.629
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		4.849.816.742	563.846.840	(5.710.262.538)	(8.285.682.242)

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015	Lũy kế từ ngày 01 tháng 10 đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
52	16. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại		(7.333.547.803)	(7.529.024.536)	(4.571.778.604)	554.825.636
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		16.965.022.981	23.882.874.912	58.272.328.583	58.843.037.023
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.5	394	554	1.352	1.365
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.5	394	554	1.352	1.365



Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập biểu

Ngày 25 tháng 4 năm 2016



Nguyễn Công Bằng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>68.554.369.725</b>	<b>66.573.893.629</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	17.077.643.126	16.879.479.050
03	Dự phòng		3.728.636.532	2.191.093.592
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23	23.364.000	16.353.911
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	21.2	(585.233.334)	(2.177.699.494)
06	Chi phí lãi vay	23	52.758.686.612	10.850.843.055
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>141.557.466.661</b>	<b>94.333.963.743</b>
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(182.491.923.341)	66.924.284.387
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		52.770.565.880	(43.117.455.004)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		162.735.381.556	104.766.876.979
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(49.977.013.286)	(13.423.921.647)
14	Tiền lãi vay đã trả		(48.441.899.808)	(9.672.972.108)
15	Thuế TNDN đã nộp	14	(16.928.425.298)	(19.343.866.658)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		30.000.000	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(556.900.000)	(4.537.050.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>58.697.252.364</b>	<b>175.929.859.692</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(336.860.598.226)	(90.253.868.880)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	1.370.909.091
23	Tiền gửi có kỳ hạn		-	(32.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		32.000.000.000	50.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi	21.2	585.233.334	1.519.944.445
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(304.544.734.415)</b>	<b>(69.363.015.344)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		2.138.611.822.334	862.066.384.966
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.805.177.727.629)	(945.667.208.185)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>333.434.094.705</b>	<b>(83.600.823.219)</b>

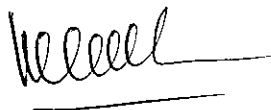
# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

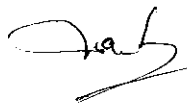
cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		87.855.982.177	22.966.021.129
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		52.085.626.815	63.279.972.826
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(16.353.911)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	139.941.608.992	86.229.640.044



Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập biểu



Nguyễn Công Bằng  
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2016



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21 tháng 11 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản, gia súc và gia cầm; và nuôi trồng thủy sản.

Công ty có trụ sở chính tại lô II-1, II-2, II-3 Khu C Mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam và chi nhánh tại lô A&B, Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 663 (ngày 30 tháng 9 năm 2015: 658).

#### **Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Công ty có các Công ty con sau:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An	Tỉnh Long An	Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Chăn nuôi lợn; Bán buôn động vật sống;  Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đầu tư xây dựng cơ bản	100,00
Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng An Giang	Tỉnh An Giang	Chăn nuôi lợn; Bán buôn động vật sống; Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.	Đầu tư xây dựng cơ bản	100,00
Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng An Giang	Tỉnh An Giang	Chăn nuôi lợn; Bán buôn động vật sống; Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.	Đầu tư xây dựng cơ bản	100,00
Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng An Giang	Tỉnh An Giang	Chăn nuôi lợn; Bán buôn động vật sống; Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.	Đầu tư xây dựng cơ bản	100,00

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

#### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

#### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

#### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bản cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty mẹ sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200").

Thông tư 200 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho kỳ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính kỳ này.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao hoặc hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Bản quyền phần mềm	5 năm

#### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH MVT Khu công nghiệp HIDICO vào ngày 22 tháng 11 năm 2006 và Công ty Cổ phần Docimexco vào ngày 1 tháng 12 năm 2014 trong thời hạn lần lượt là 45 năm và 40 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.12 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### ▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.15 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành*

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm

chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Tiền mặt	1.493.250.969	495.561.595
Tiền gửi ngân hàng	138.448.358.023	51.590.065.220
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>139.941.608.992</u></b>	<b><u>52.085.626.815</u></b>

### 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Phải thu từ các bên khác	832.065.758.190	527.086.525.267
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	336.651.258.019	487.863.769.628
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.168.717.016.209</u></b>	<b><u>1.014.950.294.895</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(11.472.840.914)	(7.744.204.382)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>1.157.244.175.295</u></b>	<b><u>1.007.206.090.513</u></b>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015
Số đầu kỳ	(7.744.204.382)	(5.303.908.864)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(3.728.636.532)	(2.191.093.592)
Số cuối kỳ	<u>(11.472.840.914)</u>	<u>(7.495.002.456)</u>

### 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Trả trước cho các bên khác	683.149.849.851	634.766.533.209
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	24.570.672.368
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>683.149.849.851</b></u>	<u><b>659.337.205.577</b></u>

### 7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)	19.093.545.383	17.781.140.583
Phải thu các bên khác	1.732.784.539	2.711.646.613
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>20.826.329.922</b></u>	<u><b>20.492.787.196</b></u>

### 8. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Nguyên liệu, vật liệu	746.563.829.385	789.805.788.576
Thành phẩm	43.285.013.446	54.093.601.278
Hàng mua đang đi trên đường	22.557.063.269	25.938.801.048
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.661.718.922	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>817.067.625.022</b></u>	<u><b>869.838.190.902</b></u>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.097.873.853</b>	<b>2.293.345.119</b>
Công cụ, dụng cụ	548.991.666	1.051.534.124
Sửa chữa nhà kho	130.773.830	523.095.332
Khác	1.418.108.357	718.715.663
<b>Dài hạn</b>	<b>70.278.662.397</b>	<b>20.106.177.845</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	67.453.683.783	17.178.702.667
Công cụ, dụng cụ	2.299.978.614	2.927.475.178
Thuê trại heo	525.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>72.376.536.250</u></b>	<b><u>22.399.522.964</u></b>

(\*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại nhà máy Sa Đéc với giá trị còn lại là 6.516.164.241 VNĐ để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2015	92.824.332.177	236.807.507.776	40.968.362.957	3.367.553.456	373.967.756.366
Mua mới	3.901.456.959	3.720.364.100	2.822.920.000	-	10.444.741.059
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	<b>96.725.789.136</b>	<b>240.527.871.876</b>	<b>43.791.282.957</b>	<b>3.367.553.456</b>	<b>384.412.497.425</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	4.594.378.411	20.990.606.488	1.925.003.890	692.743.693	28.202.732.482
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	37.053.026.570	133.303.421.541	15.889.616.906	2.646.826.821	188.892.891.838
Khấu hao trong kỳ	2.993.910.738	11.489.539.642	2.333.510.569	161.288.010	16.978.248.959
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	<b>40.046.937.308</b>	<b>144.792.961.183</b>	<b>18.223.127.475</b>	<b>2.808.114.831</b>	<b>205.871.140.797</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	55.771.305.607	103.504.086.235	25.078.746.051	720.726.635	185.074.864.528
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	<b>56.678.851.828</b>	<b>95.734.910.693</b>	<b>25.568.155.482</b>	<b>559.438.625</b>	<b>178.541.356.628</b>

Như đã trình bày Thuyết minh số 17, Công ty đã sử dụng tài sản để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ			
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phần mềm	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 03 năm 2016	954.750.000	926.532.000	346.196.775	2.227.478.775
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã phân bổ hết</i>	-	390.522.000	346.196.775	736.718.775
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	-	822.307.843	336.137.610	1.158.445.453
Hao mòn trong kỳ	-	89.335.002	10.059.165	99.394.167
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	-	<b>911.642.845</b>	<b>346.196.775</b>	<b>1.257.839.620</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	954.750.000	104.224.157	10.059.165	1.069.033.322
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	<b>954.750.000</b>	<b>14.889.155</b>	-	<b>969.639.155</b>

### 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Dây chuyền sản xuất thức ăn	224.949.278.817	57.230.552.474
Xây dựng nhà máy	111.639.741.552	38.624.345.976
Khác	27.272.727	27.272.727
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>336.616.293.096</b>	<b>95.882.171.177</b>

Trong kỳ, Công ty đã phát sinh chi phí lãi vay được vốn hóa là 3.429.379.862 VNĐ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Phải trả cho các bên khác	170.106.987.309	101.988.371.205
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	<u>15.439.458.020</u>	<u>16.057.298.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>185.546.445.329</u></b>	<b><u>118.045.669.205</u></b>

### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 31 tháng 03 năm 2016
Thuế GTGT hàng nội địa	-	16.256.364	-	16.256.364
Thuế TNDN	6.368.346.018	5.710.262.538	16.928.425.298	(4.849.816.742)
Thuế thu nhập cá nhân	84.365.278	1.551.690.951	1.495.019.110	141.037.119
Khác	<u>3.600.000</u>	<u>34.960.000</u>	<u>34.840.000</u>	<u>3.720.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.456.311.296</u></b>	<b><u>7.313.169.853</u></b>	<b><u>18.458.284.408</u></b>	<b><u>(4.688.803.259)</u></b>

### 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Chi phí lãi vay	7.450.424.861	3.133.638.057
Chi phí hoa hồng	324.679.115	357.168.532
Khác	<u>389.350.000</u>	<u>658.443.173</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.164.453.976</u></b>	<b><u>4.149.249.762</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Cổ tức phải trả	56.999.050	41.869.780.050
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	791.871.319	688.625.000
Phải trả khác	1.123.418.176	767.555.011
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.972.288.545</u></b>	<b><u>43.325.960.061</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	-	37.748.271.000
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	-	5.577.689.061

### 17. VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	<u>1.744.976.244.818</u>	<u>1.702.850.798.793</u>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 17. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 03 năm 2016 VNĐ	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.102.843.686.291	Từ ngày 08 tháng 4 năm 2016 đến 30 tháng 9 năm 2016	5,50	Nhà máy sản xuất thức ăn Lai Vung tại Lô A&B khu công nghiệp Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An	268.933.552.946	Từ ngày 15 tháng 4 năm 2016 đến 30 tháng 9 năm 2016	5,50	Nhà máy sản xuất thức ăn và quyền sử dụng đất tại các Lô II-1, II-2 và II-3, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Đồng Tháp, phòng giao dịch Sa Đéc	77.718.944.010	Từ ngày 09 tháng 3 năm 2016 đến 24 tháng 9 năm 2016	6,50	Khoản phải thu bình quân trị giá tối thiểu 100.000.000.000 đồng
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	109.357.681.381	Từ ngày 20 tháng 4 năm 2016 đến ngày 29 tháng 7 năm 2016	Từ 5,50 đến 6,20	Quyền ưu tiên thứ nhất các khoản phải thu với giá trị còn lại tối thiểu tương đương với 5.000.000 đô la Mỹ
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang	186.122.380.190	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2016 đến ngày 17 tháng 6 năm 2016	Từ 5,20 đến 5,80	Các khoản phải thu ngoại trừ khoản phải thu bên liên quan với tổng giá trị tương đương với 80.000.000.000VNĐ
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.744.976.244.818</u></b>			

Các khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015
Số dư đầu kỳ	13.795.449.282	8.337.540.971
Tăng trong kỳ	-	5.895.303.710
Sử dụng trong kỳ	(556.900.000)	(234.500.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>13.238.549.282</b>	<b>13.998.344.681</b>

### 19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Vay dài hạn từ ngân hàng	107.448.695.580	14.253.241.500
Trái phiếu phát hành	198.113.194.600	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>305.561.890.180</b>	<b>14.253.241.500</b>

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức
	VNĐ			đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	107.448.695.580	Ngày 24 tháng 9 năm 2020	9,00	Tất cả máy móc thiết bị, nhà xưởng và văn phòng tại nhà máy Lai Vung hình thành từ vốn tự có và vốn vay với giá trị là 376.625.000.000 VNĐ.

Khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích đầu tư mở rộng nhà máy Lai Vung tại Lô A&B khu Công nghiệp Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản Trái phiếu phát hành được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016 VNĐ</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh An Giang	198.113.194.600	Trái phiếu kỳ hạn 5 năm, nợ gốc được thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn, lãi được thanh toán 6 tháng một lần. Đáo hạn vào ngày 18 tháng 12 năm 2020	7,50	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình, nhà xưởng, máy móc, thiết bị Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An.

Khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và đầu tư vào xây dựng nhà máy chế biến thức ăn gia súc tại Long An.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VNĐ Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015</b>						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014	418.127.810.000	203.825.180.000	52.115.592.139	56.693.173.703	233.501.376.735	964.263.132.577
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	58.843.037.023	58.843.037.023
Phân phối lợi nhuận	-	-	30.835.358.068	-	(30.835.358.068)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.625.303.710)	(4.625.303.710)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(41.812.781.000)	(41.812.781.000)
Tăng (giảm) khác	-	-	56.693.173.703	(56.693.173.703)	(3.898.000.000)	(3.898.000.000)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015	<b>418.127.810.000</b>	<b>203.825.180.000</b>	<b>139.644.123.910</b>	<b>-</b>	<b>211.172.970.980</b>	<b>972.770.084.890</b>
<b>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016</b>						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	418.127.810.000	203.825.180.000	139.644.123.910	-	296.918.026.416	1.058.515.140.326
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	58.272.328.583	58.272.328.583
Kết chuyển cổ tức đã công bố	-	-	-	-	41.812.781.000	41.812.781.000
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	<b>418.127.810.000</b>	<b>203.825.180.000</b>	<b>139.644.123.910</b>	<b>-</b>	<b>397.003.135.999</b>	<b>1.158.600.249.909</b>

Vào ngày 27 tháng 1 năm 2016, Đại hội Đồng cổ đông đã phê duyệt Nghị quyết thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng thay cho phương án phân phối lợi nhuận. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông là 150% vốn điều lệ. Được sử dụng lợi nhuận 9 tháng năm 2015, lãi lũy kế năm trước chuyển sang, thặng dư cổ phần và quỹ đầu tư phát triển đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 để phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 03 năm 2016		Ngày 30 tháng 9 năm 2015	
	Vốn cổ phần VNĐ	% sở hữu	Vốn cổ phần VNĐ	% sở hữu
Công ty Cổ phần Hùng Vương	377.915.210.000	90,38	377.915.210.000	90,38
Các cổ đông khác	40.212.600.000	9,62	40.212.600.000	9,62
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>418.127.810.000</b>	<b>100.00</b>	<b>418.127.810.000</b>	<b>100.00</b>

### 20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 03 năm 2016	<u>418.127.810.000</u>	<u>418.127.810.000</u>
Cổ tức công bố	-	41.812.781.000

### 20.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Cổ phiếu được phép phát hành	41.812.781	41.812.781
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.812.781	41.812.781
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.812.781	41.812.781

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 20.5 Lãi trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VNĐ)	58.272.328.583	58.843.037.023
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	1.748.169.857	1.765.291.111
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)</b>	<b>56.524.158.726</b>	<b>57.077.745.912</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	41.812.781	41.812.781
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)</b>	<b>1.352</b>	<b>1.365</b>

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập với tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHCD của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 18 tháng 3 năm 2015.

### 21. DOANH THU

#### 21.1 Doanh thu bán hàng

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016	VNĐ Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.421.734.897.114</b>	<b>2.667.769.217.857</b>
Trong đó:		
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn thủy sản	2.296.137.960.645	2.561.251.442.261
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc	110.288.776.469	101.982.075.596
Doanh thu bán nguyên liệu	15.308.160.000	4.535.700.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(53.380.023.629)</b>	<b>(50.808.729.445)</b>
Chiết khấu thương mại	(53.380.023.629)	(50.808.729.445)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>2.368.354.873.485</b>	<b>2.616.960.488.412</b>
Trong đó:		
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn thủy sản	2.247.656.826.434	2.512.533.874.322
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc	105.389.887.051	99.890.914.090
Doanh thu bán nguyên liệu	15.308.160.000	4.535.700.000

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	585.233.334	1.519.944.445
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	292.657.665	306.812.028
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	472.866.056	356.859.379
Khác	-	120.927.742
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.350.757.055</u></b>	<b><u>2.304.543.594</u></b>

### 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015
Giá vốn thức ăn thủy sản	2.097.233.040.424	2.413.843.097.284
Giá vốn thức ăn gia súc	100.399.818.145	96.009.570.639
Giá vốn nguyên liệu	15.177.267.750	4.266.233.664
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.212.810.126.319</u></b>	<b><u>2.514.118.901.587</u></b>

### 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015
Lãi tiền vay	52.758.686.612	10.850.843.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.257.447	444.764.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.364.000	386.856.163
Chi phí phát hành trái phiếu	203.194.600	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.025.502.659</u></b>	<b><u>11.682.463.282</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>
Chi phí nhân công	7.129.001.168	5.180.393.104
Chi phí vật liệu bán hàng	1.031.129.746	494.270.637
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	21.750.000	16.450.000
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	308.667.621	282.786.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.946.964.886	6.091.505.348
Chi phí khác	4.244.903.538	2.035.242.779
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.682.416.959</u></b>	<b><u>14.100.648.341</u></b>

### 25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>
Chi phí nhân công	8.222.418.278	5.596.341.868
Chi phí vật liệu quản lý	148.164.942	127.644.429
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	368.952.236	168.499.503
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.024.093.285	828.226.079
Chi phí dự phòng	3.728.636.532	2.191.093.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.377.502.083	3.037.304.121
Chi phí khác	3.483.967.298	2.515.352.524
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.353.734.654</u></b>	<b><u>14.464.462.116</u></b>

### 26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.818.558.105</b>	<b>1.728.716.245</b>
Thu nhập từ bán phế liệu	1.071.095.910	1.054.403.638
Thu nhập khác	747.462.195	674.312.607
<b>Chi phí khác</b>	<b>98.038.329</b>	<b>53.379.296</b>
Chi phí khác	98.038.329	53.379.296
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>1.720.519.776</u></b>	<b><u>1.675.336.949</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.122.478.351.529	2.435.899.929.022
Chi phí nhân công	46.779.514.708	38.597.557.112
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	17.004.383.126	16.842.849.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.984.044.598	29.394.002.181
Chi phí khác	13.851.204.235	9.469.571.782
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.226.097.498.196</u></b>	<b><u>2.530.203.909.147</u></b>

### 28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	317.641.065.600
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Tiến	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	115.056.952.737
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Thủy Sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	6.377.580.000
Công ty Cổ phần Nuôi Trồng Thủy Sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	19.466.307.500
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	98.073.789.172
		Bán thức ăn thủy sản	55.359.905.854
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Chi phí gia công	11.101.464.000
		Bán nguyên vật liệu	8.930.580.000

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	VNĐ
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015
Lương và các chi phí liên quan	<b>3.250.451.149</b>
	<b>2.030.401.149</b>

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VNĐ	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>	
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	266.626.994.688	405.804.320.688
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	68.576.833.831	37.036.641.613
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thức ăn thủy sản	-	10.349.845.327
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	430.580.000	23.500.000.000
Công ty Cổ phần Nuôi Trồng Thủy Sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	351.769.500	5.885.462.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Thủy Sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	665.080.000	5.287.500.000
			<b>336.651.258.019</b>	<b>487.863.769.628</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

### 28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Thanh toán hộ	17.781.140.583	17.781.140.583
Công ty CP chế biến Thức ăn TS Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Cho mượn nguyên vật liệu	1.312.404.800	-
			<b><u>19.093.545.383</u></b>	<b><u>17.781.140.583</u></b>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>				
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Tiến	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	21.600.000.000
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	2.970.672.368
			<b><u>-</u></b>	<b><u>24.570.672.368</u></b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Chi phí gia công	-	(15.921.423.000)
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	(135.875.000)
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(10.628.861.700)	-
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Tiến	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(4.810.596.320)	-
			<b><u>(15.439.458.020)</u></b>	<b><u>(16.057.298.000)</u></b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	-	<b><u>(37.748.271.000)</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016


### 29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 27 tháng 1 năm 2016, Đại hội Đồng cổ đông đã phê duyệt Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng thay cho phương án phân phối lợi nhuận. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông là 150% vốn điều lệ. Được sử dụng nguồn vốn từ lợi nhuận 9 tháng năm 2015, lãi lũy kế năm trước chuyển sang, thặng dư cổ phần và quỹ đầu tư phát triển đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 để phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông. Và thông qua phương án không chia cổ tức năm 2014, số cổ tức đã công bố sẽ được chuyển về lợi nhuận chưa phân phối.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập biểu



Nguyễn Công Bằng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền  
Tổng giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2016